TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29/4/2020
"V/v Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Gia Thắng.

2. Ông Bùi Đức Quảng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2020/QĐST - DS ngày 21 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Hà Thị T**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Xóm R1, xã V M, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ..

2. *Bị đơn*: Anh **Đinh Văn Th**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm R 1, xã V M, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Th vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/12/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Hà Thị Tươi trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2015 chị Hà Thị T kết hôn với anh Đ V Th có sự tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với gia đình bố mẹ chị T tại xã Võ Miếu, tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là anh T, không có trách nhiệm gì với gia đình vợ con, anh T đi làm có thu nhập nhưng không gửi tiền về để chị T nuôi con ăn học, chị T còn nghe nói anh T có mối quan hệ bên ngoài không chung thủy với chị, nhưng chị không có bằng chứng gì để chứng minh vì anh đi làm lao động tự do không có địa chỉ cụ thể. Anh T đi làm xa, một tháng về nhà chị khoảng 2 lần và thường xuyên liên lạc với bố mẹ chị. Thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị T đã nhiều lần khuyên can nhưng anh vẫn thờ ơ, không có thay đổi, quan tâm gì đến cuộc sống của chị. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng và vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay không còn chung sống với nhau nữa. Nay chị T xác định tình cảm với anh Th không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên xin được ly hôn để giải phóng cho nhau, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T và anh Th có 01 con chung là cháu Đ T Tr, sinh ngày 12/11/2014, hiện cháu đang ở với chị Tươi từ khi vợ chồng sống ly thân. Ly hôn chị T xin được nuôi con chung đến khi cháu thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Theo chị T xác định không có, khi ly hôn chị không có đề nghị gì.

Phía bị đơn, anh Đ VT h đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị T với anh Th, lấy lời khai của bà Hà Thị L, ở cùng nhà với anh Th. Theo kết quả xác minh ngày 17/02/2020 tại Ban công an xã Võ Miếu xác định anh Th có hộ khẩu thường trú tại xóm Rịa 1, xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/02/2020 của bà H T L xác nhận: Năm 2015 anh Th và chị T xây dựng gia đình với nhau, đăng ký kết hôn tại UBND xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn. Sau khi đăng ký kết hôn anh Th và chị T ở chung với gia đình bà cho đến nay. Thời gian đầu kết hôn tình cảm vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2018 cuộc sống chung giữa anh Th và chị T không hạnh phúc, lý do là vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Th không tu chí làm ăn, không chăm lo đến gia đình mà thường xuyên tụ tập bạn bè để uống rượu, chị T và gia đình có bảo ban anh Th rất nhiều lần nhưng không được từ đó dẫn đến vợ chồng cãi nhau, xúc phạm nhau, hiện nay anh Th và chị T đang sống ly thân không ai còn quan tâm đến nhau. Theo quan điểm của bà, anh Th và chị T sống ly thân

đã lâu, hôn nhân không có hạnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Bà L xác định anh Th và chị Tcó 01 con chung là cháu Đ T Tr, sinh ngày 12/11/2014, hiện cháu đang ở với chị T từ khi vợ chồng sống ly thân năm 2018 đến nay. Quan điểm gia đình đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T được nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ, từ khi chị T và anh Th sống ly thân anh Th không hỏi han và có trách nhiệm gì với con, bản thân chị T có công ăn việc làm ổn định. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Bà L xác định vợ chồng anh Th và chị T không có. Hiện nay anh Th đi làm ăn ở đâu bà L cũng không biết địa chỉ cụ thể nhưng anh Th vẫn gọi điện và thường xuyên về thăm nhà. Bà có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án về việc chị T xin ly hôn anh Th, anh Th đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án với lý do anh Th không đồng ý ly hôn chị T.

* *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát*:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày ngày 22/4/2020; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83- Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị H Th T được ly hôn anh Đ V Th. Về con chung: Giao cháu Đ T Tr, sinh ngày 12/11/2014 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Tr thành niên. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H Th T và anh Đ V Th đều có nơi cư trú tại xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ, chị T nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn anh Th tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Xét về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 22/4/2020, chị Hà Thị T nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại Tòa án. Anh Đ V Th được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản

tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1+3 Điều 228; Điều 238- Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H Th T và anh Đinh V Th đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú thọ đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống cả hai bên không cảm thông và chia sẻ cho nhau những khó khăn trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến khi mâu thuẫn vợ chồng phát sinh cả hai vợ chồng đều không biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn mà chỉ biết trách móc, nghi ngờ sự chung thủy của nhau. Chị T cho rằng anh Th không có trách nhiệm với vợ con, không chung thủy. Tòa án đã tiến hành xác minh tại khu Rịa 1- nơi anh Th cư trú, chứng minh anh Th đã biết chị T làm đơn xin ly hôn, đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Th vẫn cố tình trốn tránh không đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình, điều đó chứng minh trình bày của chị T về sự không có trách nhiệm của anh Th đối với cuộc sống vợ chồng là có căn cứ. Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án đã chứng minh vợ chồng chị T, anh Th đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, cả hai bên không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng với nhau một thời gian dài. Hội đồng xét xử xét thấy:Tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn với anh Th là có căn cứ qui định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị T và anh Th có 01 con chung là cháu Đ T Tr, sinh ngày 12/11/2014, hiện cháu đang ở với chị T tại xã Võ Miếu. Khi ly hôn quan điểm chị T xin được nuôi con chung đến khi cháu thành niên, chị không yêu cầu cấp dưỡng. Xét, yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con của chị T là chính đáng bởi lẽ: Cháu TTr vẫn do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi mới sinh ra cho đến nay. Anh Th thường xuyên đi làm ăn xa, không có trách nhiệm với vợ con, không đến Tòa án để trình bày quan điểm khi chị T xin ly hôn, điều đó chứng tỏ, anh Th có ý thức bỏ mặc mẹ con chị T. Để đảm bảo sự phát triển bình thường và điều kiện ăn học của cháu T Tr nên giao con chung của vợ chồng cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên là phù hợp với thực tế, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh Thiếu không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Theo chị T, vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì. Anh Th không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Từ những phân tích trên, HĐXX xét thấy: Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Các đương sự được quyền khán cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1+3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị HT T. Cho chị H T T được ly hôn anh Đ V Th.

2. *Về con chung*: Giao cháu Đ T Tr, sinh ngày 12/11/2014 cho chị H T T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 4/2020, cho đến khi cháu Tr thành niên, tự lực được. Anh Đ V Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Th không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị H T

T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0001962 ngày 16/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh phú Thọ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKS huyện;*
- *Chi cục THADS huyện.*
- *UBND xã Võ Miếu;*
- *Lưu HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đá ký

Nguyễn Thị Bích Thủy